

PHIẾU NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG
CUSTOMER IDENTIFICATION FORM
(Dành cho khách hàng cá nhân/ For Individual Investors)

Mẫu/Form: 01C

Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở/ Fund trading account number:

Tên Nhà đầu tư / Full name of investor:

Số GPĐKKD/ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Business license/ID/Passport No.:

Ngày cấp/ Date of issue: Nơi cấp/ Place of issue:

Nhà đầu tư có thay đổi thông tin liên quan đến/ Investors have changed information related to:

1. Thông tin nhà đầu tư/ Information of Investors: 2. Thông tin người được ủy quyền/ Information of authorised person: 3. Thông tin người hưởng lợi/ Information of beneficial owner: 4. Thông tin bổ sung phòng chống rửa tiền/ Supplementary information on AML 5. Dành cho người có ảnh hưởng chính trị/ For politically exposed persons 6. Khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư/ Investment risk tolerance of investors	☐ Có/ Yes ☐ Không/ No Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin về Phần II If Yes, please provide information on Section I ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin về Phần II If Yes, please provide information on Section II ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin về Phần II If Yes, please provide information on Section III ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin về Phần II If Yes, please provide information on Section IV ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin về Phần II If Yes, please provide information on Section V ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin về Phần II If Yes, please provide information on Section VI
---	--

III. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INFORMATION OF INVESTORS

1. **Họ và tên Nhà đầu tư/ Full name of Investor:**

2. **Giới tính/ Gender:** ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female **Quốc tịch/ Nationality:**

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu: ID/ Passport No.:

Ngày cấp/ Date of issue: **Nơi cấp/ Place of issue:**

3. **Nghề nghiệp/ Occupation:** **Chức vụ/ Title:**

4. **Tình trạng việc làm/ Employment Details:** ☐ Đi làm hưởng lương/ Salaried ☐ Tự kinh doanh/ Self-employed
☐ Nội trợ/ Hưu trí/ Thất nghiệp/ Housewife / Retiree / Unemployed ☐ Khác/ Others:

5. **Tên Công ty nơi làm việc/ làm chủ/ Name of employer / business:**

Lĩnh vực hoạt động/ Nature of business: **Tỷ lệ sở hữu (Nếu có)/ Percentage ownership (If any):**

6. **Địa chỉ Công ty nơi làm việc/ làm chủ/ Employer / Business address:**

7. **Khoảng thu nhập hàng năm/ Range of annual income:**
☐ Dưới 500 triệu/ Less than VND 500 mil. ☐ Từ 500 - 850 triệu/ From 500 mil. to 850 mil ☐ Từ 850 triệu - 1.7 tỷ/ From 850 mill. to 1.7 bil.
☐ Từ 1.7 - 2.5 tỷ/ From 1.5 bil to 2.5 bil ☐ Từ 2.5 - 3.5 tỷ/ From 2.4 bil to 3.5 bil ☐ Trên 3.5 tỷ/ Above VND 3.5 bil ☐ Khác/ Others:

8. **Địa chỉ thường trú/ Permanent address:**

9. **Địa chỉ tạm trú (nếu có)/ Current residence address (if any):**

10. **Địa chỉ nhận thư/ Mailing Address:** ☐ Giống với địa chỉ thường trú/ Same as permanent address ☐ Giống với địa chỉ tạm trú/ Same as current residence address
☐ Khác/ Others:

11. **Điện thoại/ Phone number:** **Email:**

12. **Thông tin tài khoản ngân hàng nhận tiền bán chứng chỉ quỹ/ Bank account details for receiving sales proceeds:**
Tên chủ tài khoản/ Bank account holder: **Số tài khoản/ Bank account number:**
Tại ngân hàng/ At bank: **Chi nhánh/ Branch:**

Phần dành riêng cho nhà đầu tư nước ngoài/ The section for foreign investors only:

13. **Số thị thực nhập cảnh/ Visa No.:** **Cơ quan cấp thị thực nhập cảnh/ The authority issuing entry visa:**
Trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật Except when investor is granted visa exemption permitted by law

14. **Mã giao dịch chứng khoán (dành cho NĐT nước ngoài)/ Securities trading code (for foreign investor):**

Ngày cấp/ Date of issue: **Nơi cấp/ Place of issue:**

15. **Thông tin tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA)/ The indirect investment capital account (IICA):**
Tên chủ tài khoản/ Bank account holder: **Số tài khoản/ Bank account number:**
Tại ngân hàng/ At bank: **Chi nhánh/ Branch:**

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ INFORMATION OF AUTHORISED PERSON

- Họ và tên Người được ủy quyền/ Full name of authorized person:.....
- Ngày sinh/ Date of birth:Giới tính/ Gender: ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/ ID/ Passport No.:Quốc tịch/ Nationality:
Ngày cấp/ Date of issue:Nơi cấp/ Place of issue:
- Điện thoại/ Phone No.:Email:
- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
- Địa chỉ liên hệ/ Mailing address (if different from above):
- Phạm vi ủy quyền/ Authorisation rights:
☐ Chỉ thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ/ Entitle trading right only
☐ Thực hiện tất cả các quyền như chủ tài khoản/ Entitle all rights of account holder

III. THÔNG TIN NGƯỜI HƯỞNG LỢI/ INFORMATION OF BENEFICIAL OWNER

- Họ và tên/ Full name:
- Ngày sinh/ Date of birth:Giới tính/ Gender: ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/ ID/ Passport No.:Quốc tịch/ Nationality:
Ngày cấp/ Date of issue:Nơi cấp/ Place of issue:
- Điện thoại/ Phone Number:Email:
- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
- Địa chỉ tạm trú/ Temporary address in Vietnam:

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN/ SUPPLEMENTARY INFORMATION ON AML

- Mục đích mở tài khoản/ Purpose of Account:
☐ Đầu tư/ Investment ☐ Tiết kiệm/ Saving ☐ Khác/ Others:
- Nhà đầu tư có phải là người nhận ủy thác của bất kỳ tổ chức/ cá nhân nào ở nước ngoài? Is the investor authorized by any foreign entity/ individual?
☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

Vui lòng cung cấp thông tin tổ chức/cá nhân ủy thác/ Please declare the information of the authorizer:

Họ và tên/ Full name:

Hộ chiếu hoặc số GPĐKKD/ Passport or Business registration license No.:

Địa chỉ/ Address:

Điện thoại/ Phone:Email:

V. DÀNH CHO NGƯỜI CÓ ẢNH HƯỞNG CHÍNH TRỊ/ FOR POLITICALLY EXPOSED PERSONS

☐ Vui lòng đánh dấu vào ô này nếu khách hàng hoặc người được hưởng lợi từ hoạt động đầu tư này hoặc những người có liên quan (bao gồm cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột) là Người có ảnh hưởng chính trị ("PEP"). PEP là quan chức cấp cao của chính phủ; là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành hoặc thành viên Bộ phận Kiểm toán nội của doanh nghiệp nhà nước. Đề nghị cung cấp các thông tin về PEP dưới đây:

Please tick this box if any investor or beneficial owner or affiliated person of these person (including parents, adopted parents, spouses, children, adopted children and siblings) is a Political Exposed Person ("PEP"). PEP means that he/she is a senior government official; a member of BOD, BOM, Supervisory Committee, an Internal Auditor of state-owned company. Please provide details of the PEPs below:

PEP1: Họ và tên/ Full name: PEP2: Họ và tên/ Full name:

VI. KHẢO SÁT KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN RỦI RO CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/ SURVEY INVESTMENT RISK TOLERANCE OF INVESTORS

- Hiểu biết của NĐT trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán tại thị trường Việt Nam/ Investor's knowledge in the field of securities investment in Vietnam market:
☐ Chưa có/ None (1) ☐ Hạn chế/ Limited (2) ☐ Tốt/ Good (3) ☐ Rất tốt/ Very good (4)

- Kinh nghiệm đầu tư của Nhà Đầu Tư/ Investor's investment experience

☐ Dưới 1 năm/ Less than 1 year (1) ☐ Từ 1 đến 3 năm/ From 1 to 3 years (2) ☐ Từ 3 đến 5 năm/ From 3 to 5 years (3) ☐ Trên 5 năm/ Over 5 years (4)

- Thời hạn đầu tư nào phù hợp với Nhà Đầu Tư/ Which investment term is suitable for the Investor?

☐ Dưới 3 năm/ Less than 3 years (1) ☐ Từ 3 đến 7 năm/ From 3 to 7 years (3) ☐ Trên 7 năm/ Above 7 years (4)

- Vui lòng khoanh tròn số trên dòng bên dưới cho biết mục tiêu rủi ro/ lợi nhuận bạn mong muốn/ Please circle the number on the line below indicating your preferred risk/ return objective.

Rủi ro thấp nhất và Lợi nhuận tiềm năng

thấp nhất/ Lowest RISK and Lowest potential Return

1	2	3	4	5

Rủi ro cao nhất và Lợi nhuận tiềm năng

cao nhất/ Highest RISK and Highest potential Return

5. Khi đầu tư, Nhà Đầu tư có thể chấp nhận mức tổn thất tiềm năng nào dưới đây/ When investing, what level of loss can you accept:
- ☐ Không chấp nhận lỗ/ Do not accept loss (KO) ☐ Chấp nhận lỗ dưới 15% Vốn đầu tư/ Accept a loss below 15% of Invested Capital (2)
- ☐ Chấp nhận lỗ từ 15 đến 30% Vốn đầu tư/ Accept a loss from 15 to 30% of Invested Capital (4)
- ☐ Chấp nhận lỗ cao hơn 30% Vốn đầu tư/ Accept a loss greater than 30% of Invested Capital (6)
6. Nhà Đầu Tư sẽ ra quyết định nào khi danh mục đầu tư của mình đã giảm trên 10% và thị trường biến động mạnh/ What decision will Investor make when his/her investment portfolio has decreased by more than 10% and the market is volatile?
- ☐ NĐT sẽ quyết định bán toàn bộ danh mục/ Investor will decide to sell all the portfolio (1)
- ☐ NĐT sẽ bán một nửa danh mục để hạn chế tổn thất/ Investor will sell half of the portfolio to limit losses (2)
- ☐ NĐT cảm thấy lo lắng nhưng vẫn quan sát thêm/ Investor feel nervous but continue to remain invested (3)
- ☐ NĐT tin rằng giá sẽ tăng lại và đầu tư thêm khi giá xuống thấp/ Investor believe that the market will recover and invest more when the price is low (4)

Kết quả đánh giá được tính theo số điểm tương ứng với lựa chọn của Nhà Đầu Tư ở bên trên/ Evaluation results are calculated according to the number of points corresponding to the Investor's selection above:

THANG ĐIỂM/ SCORING SCALE		
ĐIỂM/ POINTS	KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN RỦI RO/ RISK TOLERANCE	MÔ TẢ/ DESCRIPTION
KO	Không chấp nhận rủi ro/ Don't accept the risk	Nhà đầu tư không chấp nhận rủi ro và lỗ, do đó không phù hợp với các sản phẩm đầu tư nào của Chúng tôi./ Investor does not accept risks and losses, there is no investment products suitable for investors.
07-12	Thấp/ Low	Nhà Đầu Tư thận trọng chỉ chấp nhận mức rủi ro thấp để kiếm được mức lợi nhuận vừa phải nhưng ổn định./ Prudent Investors accept only low risks to earn moderate but stable returns.
13-18	Trung bình/ Medium	Nhà Đầu Tư chấp nhận mức rủi ro trung bình để tìm kiếm lợi nhuận trung bình hơn là việc tăng trưởng vốn./ Investors accept average risk in search of average returns rather than high growth.
> 18	Cao/ High	Nhà Đầu Tư sẵn sàng chấp nhận rủi ro cao để đạt được lợi nhuận kỳ vọng lớn hơn. Nhà Đầu Tư chấp nhận Danh mục đầu tư với mức biến động lớn hơn và chịu rủi ro mất vốn cao hơn./ Investors are willing to accept high risks to achieve larger expected profits. Investors accept Portfolios with greater volatility and higher risk of capital loss.

Thông qua khảo sát như trên, UOBAM (Vietnam) đề xuất xây dựng chính sách đầu tư và chiến lược đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của NĐT như sau/ Through the above survey, UOBAM (Vietnam) proposes to develop an investment policy and investment strategy suitable to the risk appetite of the Investor as follows:

Chính sách đầu tư/ Investment policy	☐ BẢO TOÀN/ SAFETY	☐ KẾT HỢP/ COMBINATION	☐ TĂNG TRƯỞNG/ GROWTH
Chiến lược đầu tư/ Investment strategy	Đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính có thu nhập cố định khác./ Invest in bonds, term deposits, certificates of deposits and fixed-income instruments.	Đầu tư kết hợp vào cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính có thu nhập cố định khác./ Combined investments in stock, bonds, term deposits, certificates of deposit and fixed-income instruments.	Đầu tư phần lớn vào cổ phiếu. Invest majority of the portfolio in stocks.

Ý kiến của nhà đầu tư/ Investor's opinion:

☐ ĐỒNG Ý với chính sách đầu tư, chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro do Công ty xây dựng phù hợp với nhu cầu đầu tư của tôi
I AGREE that the investment policy, investment strategy and risk profile developed by the Company in accordance with my investment needs.

☐ KHÔNG ĐỒNG Ý với chính sách đầu tư, chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro xây dựng vì chưa phù hợp với nhu cầu đầu tư của tôi
I DISAGREE with the investment policy, investment strategy and risk appetite developed because it is not suitable for my investment needs.

Tôi xác định lại mục tiêu đầu tư của tôi là/ I redefine my investment goals as: ☐ Bảo Toàn/ Safety ☐ Kết hợp/ Combination ☐ Tăng trưởng/ Growth

VII. XÁC NHẬN VÀ CHỮ KÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/ CONFIRMATIONS AND SIGNATURE OF THE INVESTOR

1. Tôi/ chúng tôi xác nhận rằng tất cả thông tin tôi cung cấp cho Đại lý phân phối là đúng, đầy đủ và chính xác. Tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu các thông tin mà tôi cung cấp là không đầy đủ và/hoặc không chính xác. Tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Đại lý phân phối trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào đối với thông tin đã được tôi cung cấp ở đây
I/ We undertake that all information provided by me to Fund Distributor is true, complete and accurate. I shall take full responsibility for any information which is found insufficient or incorrect. I shall notify Fund Distributor by giving written notice in the event of any material change to the information provided herein.
2. Tôi/ chúng tôi cam kết đã đọc và hiểu các quy định trong tài liệu Quỹ bao gồm Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt (được sửa đổi bổ sung theo thời gian) trước khi cân nhắc việc mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ và đề nghị Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) ("UOBAM Việt Nam") và các bên liên quan khác của Quỹ ghi nhận tôi là chủ sở hữu của Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ nêu trên.
I/ We undertake that I/ we have read the fund documents including Fund Charter, Fund Prospectus and summary of Fund Prospectus (as amended from time to time) before submitting this application and I/ we request UOB Asset Management (Vietnam) Fund Management Joint Stock Company ("UOBAM Vietnam") and other relevant parties of the Fund(s) to be entered me/ us in the Register(s) of Investors as the holder(s) of the Fund Certificates Trading Account shown above.
3. Tôi hiểu rằng khi tham gia Sản Phẩm Đầu Tư, tôi phải tuân theo các điều khoản và điều kiện có liên quan của Sản Phẩm Đầu Tư được cung cấp bởi UOBAMVN.
I understand that my participation in the Investment Products shall be subject to specific terms and conditions applicable to the Investment Products. These terms and conditions will be provided to me by UOBAMVN.
4. Tôi/ chúng tôi xác nhận rằng UOBAM Việt Nam có toàn quyền quyết định (không cần đưa ra lý do), sửa đổi mẫu đơn này theo thời gian.
I/ we acknowledge that UOBAM Vietnam have full discretion (without giving reasons), revise this form from time to time.
5. Tôi/ chúng tôi hiểu rằng có những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ, và tôi/ chúng tôi đã đọc và hiểu đầy đủ các rủi ro đặt ra trong các tài liệu Quỹ có liên quan trước khi thực hiện việc đầu tư.
I/ we acknowledge that there are risks involved with investment in the Fund(s), and I/ we have read and fully understood the risks set out in the relevant offering documents before making any investment decisions.
6. Tôi/ chúng tôi hoàn toàn hiểu rằng tôi có thể tham khảo ý kiến của bất kỳ cố vấn pháp lý, thuế hoặc tài chính độc lập nào trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch, sản

I fully understand that I may consult any independent legal, tax or financial advisers before entering into any particular transaction, product at my sole discretion. I confirm that my decision to subscribe and use the Investment Products is based on my own free willingness and judgment and Fund Distributor and its employees, directors do not entice, induce or tempt me to participate in the Investment Products. I undertake to release Fund Distributor and its employees, directors from any liability for any loss or damage arising out of, or in connection with my subscription and use of the Investment Products.

- Nhà đầu tư/ Investor**
(Ký, ghi rõ họ tên / Signed, full name)

Đại diện Công ty Quản lý Quỹ
Representative of Fund Management Company
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên / Signed, stamp, full name)

Tên/ *Name* _____
Ngày/ *Date* _____

Nhân viên giao dịch và xác minh thông tin Nhà đầu tư/ Receiver and KYC verification staff <i>Ký, ghi rõ họ tên/ Sign, full name</i>	Nhân viên kiểm soát/Supervisor <i>(Ký, ghi rõ họ tên/ Sign, full name)</i>	Đại diện có thẩm quyền của Đại Lý Phân Phối/ Representative of Distributor <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ Sign, stamp and full name)</i>
--	---	--